

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **01/2024/HS-ST**
Ngày 04 - 01 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phúc

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Huỳnh Khải Huân
- Bà Nguyễn Thị Thanh Nguyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Quốc Thái – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đinh Viết Thành – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 258/2023/TLST-HS ngày 17 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 445/2023/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 12 năm 2023, đối với các bị cáo:

1. Phan Ngọc G năm 1992 tại Thành phố H cư trú (nơi đăng ký thường trú: D T, Phường A, Quận H, Thành phố H ở: Không có nơi cư trú ổn định); nghề nghiệp: Làm công; trình độ học vấn: 6/12 dân tộc: H2; giới tính: Nữ tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn S (đã chết) và bà Phan Thị H (đã chết); có chồng Lê Hoàng D và có 04 con (lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2022); tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/4/2023 đến nay. (có mặt)

2. Phan Thị T sinh năm 1990 tại Thành phố H; nơi cư trú (nơi đăng ký thường trú: D T, Phường A, Quận H, Thành phố H ở: Không có nơi cư trú ổn định); nghề nghiệp: Làm công; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam Bùi Văn Hồng (đã chết) và bà Phan Thị H; chung sống như vợ chồng với Trần Triều N và có 04 con (lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2023); tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/4/2023 đến nay. (vắng mặt)- *Bị hại:* Bà Ngô Thị N1, sinh năm 1968; nơi cư trú (nơi đăng ký thường trú: Khu V, Phường G, thành phố V, tỉnh Hậu Giang; chỗ ở: A Hồ T, Phường D, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh). (vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Anh Trần Ngọc T, sinh năm 1994; nơi cư trú (nơi đăng ký thường trú: C3/28A Áp C, xã Q, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: 1 P, Phường E, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh). (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có nghề nghiệp ổn định, cần tiền tiêu xài nên Phan Ngọc G1 và Phan Thị T1 (là chị em họ hàng) rủ nhau cùng đi tìm tài sản sỡ hữu của người khác để chiếm đoạt. Khoảng 11 giờ 00 phút, ngày 13/4/2023, G1 điều khiển xe mô tô biển số 59N2-336.36 màu đỏ đen hiệu Hayate từ nhà của G1 đến nhà T1 tại D T, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh để cùng T1 đi thực hiện ý định trên. Lúc này, T1 đang ở nhà cùng con của T1 tên Phan Văn Đ (sinh ngày 24/10/2019), do Đ không có ai trông nên T1 dắt đi theo. Sau đó, G1 điều khiển xe mô tô biển số 59N2-336.36 chở T1 và Đ (Đ ngồi giữa) đi trên nhiều tuyến đường tại Quận H nhưng không tìm được tài sản để chiếm đoạt.

Lúc này, T1 nói với G1 tìm người bán vé số già yếu, G1 dừng xe lại, T1 sẽ giả vờ mua vé số, rồi cầm xấp vé số bỏ chạy, mang vé số đi bán lấy tiền chia nhau tiêu xài. Đến khoảng 11 giờ 40 phút cùng ngày, khi đang lưu thông trên đường P, Phường E, Quận H (hướng từ Phường D, Quận H về Phường E, Quận H), G1 phát hiện bà Ngô Thị N1 đang bán vé số dạo trước số I P, Phường E, Quận H nên G1 điều khiển xe đi đến sát bà N1 rồi dừng lại (không tắt máy xe). T1 nói với bà N1 “*Dì cho con mua mấy vé*”, bà N1 đưa cho T1 một cọc vé số có 65 tờ. T1 tiếp tục kêu bà N1 cho mượn sổ dò, khi bà N1 đang lấy sổ dò thì T1 nhanh chóng nói với G1 “*chạy đi*”. Giật tăng ga xe bỏ chạy về hướng đường D, Phường E, Quận H, rồi rẽ vào đường T, Phường E, Quận H. Lúc này, anh Hồ Văn H3 và chị Trần Ái V đang đi trên đường phát hiện vụ việc trên nên đuổi theo.

Khi G1 chở T1 và Đ bỏ chạy đến trước số G T, Phường E, Quận H thì G1 không làm chủ được tay lái nên tự ngã thì bị anh H3 và chị V bắt giữ bàn giao cho Công an P, Quận H để lập biên bản bắt người phạm tội quả tang. Sau đó chuyển hồ sơ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q thụ lý giải quyết theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra, Phan Ngọc G1 và Phan Thị T1 đã khai nhận toàn bộ hành vi chiếm đoạt tài sản nêu trên. Tổng số vé số Phan Ngọc G1 và Phan Thị T1 chiếm đoạt của bị hại N1 là 65 tờ, trong đó 50 tờ đài Tây Ninh, 15 tờ đài An Giang (đều mở kết quả xổ số vào ngày 13/4/2023, trị giá mỗi tờ vé số là 10.000 đồng, tổng trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 650.000 đồng.

Vật chứng vụ án:

- 01 xe mô tô màu đỏ đen hiệu Hayate, tạm giữ của Phan Ngọc G1, G1 khai mượn xe trên từ bà L (thường gọi là dì ba, là chị ruột của mẹ của bị cáo G1) vào ngày 09/4/2023. Xác minh tại địa chỉ D T, Phường A, Quận H và D T, Phường A, Quận H thể hiện không có ai tên L cư trú. Tiến hành thu thập thông tin lai lịch của bà Phan Thị H2 (là mẹ ruột của T1, cũng là dì ruột của G1, hiện vắng mặt tại địa phương). Xe có số máy: F4A5-155661, số khung: RLSCF4EE090146662 nhưng qua xác minh không có thông tin

đăng ký xe. Ngày 26/7/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra [Công an Q](#) ra công văn đăng báo tìm chủ sở hữu xe mô tô hiệu Hayate trên.

- 01 biển số xe 59N2-336.36 tạm giữ của [Phan Ngọc G1](#), qua xác minh là biển số đăng ký của xe SUZUKI, số máy: F124137793, số khung: PMSRU120U0XA37793 do [Trần Ngọc T](#) đứng tên chủ sở hữu, bị rơi mất vào ngày 30/3/2023, anh [T](#) đề nghị được nhận lại biển số xe trên.

- 65 tờ vé số gồm: 50 tờ vé số đài Tây Ninh và 15 tờ vé số đài An Giang mở thưởng ngày 13/4/2023 tạm giữ của [Phan Thị T1](#), là tài sản các bị cáo chiếm đoạt của bà [Ngô Thị N1](#) vào ngày 14/4/2023. Cơ quan Cảnh sát điều tra [Công an Q](#) đã ra quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại 65 tờ vé số trên cho bà [N1](#).

- 01 đĩa tròn CD do anh [Chế Nguyên K](#) giao nộp có chứa hình ảnh [Phan Ngọc G1](#) và [Phan Thị T1](#) thực hiện hành vi “Cướp giật tài sản”, hiện lưu theo hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Bà [Ngô Thị N1](#) đã nhận lại tài sản, không yêu cầu [G1](#) và [T1](#) bồi thường thiệt hại.

Tại bản Cáo trạng số 227/CT-VKS-Q8 ngày 15/11/2023 Viện [kiểm sát nhân dân Q1](#), Thành phố Hồ Chí Minh truy tố các bị cáo [Phan Ngọc G1](#) và [Phan Thị T1](#) về tội “Cướp giật tài sản”, theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa,

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo [Phan Ngọc G1](#) và [Phan Thị T1](#) về tội “Cướp giật tài sản. Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử như sau:

- Đối với bị cáo [Phan Ngọc G1](#): Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171 điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo từ 03 năm đến 04 năm tù; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo [G1](#).

- Đối với bị cáo [Phan Thị T1](#): Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171 các điểm n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo [T1](#).

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không yêu cầu các bị cáo bồi thường nên không xem xét.

Về vật chứng vụ án: Đề nghị tịch thu nộp ngân sách Nhà nước đối với 01 xe mô tô màu đỏ đen hiệu Hayate tạm giữ của [Phan Ngọc G1](#). Trả cho anh [Trần Ngọc T](#) 01 biển số 59N2-336.36. Tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án 01 đĩa tròn CD do anh [Chế Nguyên K](#) giao nộp có chứa hình ảnh [Phan Ngọc G1](#) và [Phan Thị T1](#) thực hiện hành vi “Cướp giật tài sản”.

Bị cáo [Phan Ngọc G1](#) không có ý kiến tranh luận; bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, ăn năn hối cải và xin giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo [Phan Thị T1](#) vắng mặt tại phiên tòa nên không tranh luận. Tuy nhiên, trong giai đoạn điều tra, bị cáo cũng đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội đã thực hiện, thể hiện tại bản cung, biên bản ghi lời khai của bị cáo cùng các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra [Công an Q](#), Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị cáo [Phan Thị T1](#) có đơn đề nghị xét xử vắng mặt do vừa sinh con nhỏ, sức khỏe kém. Xét thấy, bị cáo đã có lời khai đầy đủ tại cơ quan điều tra; bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, không kêu oan, không có ý kiến khiếu nại về quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của Cơ quan, người tiến hành tố tụng. Bị cáo vừa sinh con nhỏ, sức khỏe kém, sự vắng mặt của bị cáo không gây trở ngại cho việc xét xử nên có căn cứ chấp nhận. Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm c khoản 2 Điều 290 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 để xét xử vắng mặt đối với bị cáo [T1](#).

[3] Tại phiên tòa, bị cáo [Phan Ngọc G1](#) đã khai nhận hành vi phù hợp với lời khai bị cáo [Phan Thị T1](#), và phù hợp lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định: Vào khoảng 11 giờ 40 phút, ngày 13/4/2023, tại trước [số I P, Phường E, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh](#), bị cáo [Phan Ngọc Giàu C](#) hành vi điều khiển xe gắn máy chở bị cáo [Phan Thị T1](#) công khai chiếm đoạt của bà [Ngô Thị N1](#) 65 tờ vé số có trị giá 650.000 đồng rồi nhanh chóng tẩu thoát nhưng sau đó bị bắt quả tang.

[4] Các bị cáo sử dụng xe gắn máy làm phương tiện phạm tội, nên hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp “*Dùng thủ đoạn nguy hiểm*”, đây là tình tiết định khung hình phạt của tội “Cướp giật tài sản”.

[5] Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định về tội “Cướp giật tài sản” như sau:

“1. Người nào cướp giật tài sản của người khác, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:

...

d) Dùng thủ đoạn nguy hiểm;

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng.”

[6] Các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[7] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xét tính nghiêm trọng của tội phạm mà các bị cáo đã thực hiện, cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định bằng hình phạt tù có thời hạn nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người có ích, có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa phạm tội mới; đồng thời phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm trong xã hội.

[8] Cáo trạng Viện kiểm sát truy tố các bị cáo [Phan Ngọc G1](#) và [Phan Thị T1](#) về tội “Cướp giật tài sản” là có cơ sở, đúng người, đúng tội. Mức hình phạt mà Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 đề nghị áp dụng đối với các bị cáo là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội nên có căn cứ chấp nhận. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu; tài sản chiếm đoạt đã thu hồi trả lại cho bị hại; bị cáo Giàu có con còn nhỏ. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để giảm nhẹ một phần hình phạt đối với các bị cáo. Khi phạm tội, bị cáo [T1](#) là phụ nữ có thai và hiện đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi nên Hội đồng xét xử áp dụng thêm điểm n khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo [T1](#).

[9] Về hình phạt bổ sung, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo đều cho thấy bị cáo là lao động tự do, thu nhập không ổn định, điều kiện kinh tế còn khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[10] Xét các bị cáo phạm tội có tính chất đồng phạm, nhưng nhất thời giản đơn. Bị cáo [G1](#) là người khởi xướng, rủ rê và điều khiển phương tiện; bị cáo [T1](#) là người trực tiếp chiếm đoạt tài sản của bị hại. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xem xét quyết định hình phạt phù hợp với tính chất, vai trò từng bị cáo.

[11] Về xử lý vật chứng:

- 65 tờ vé số gồm: 50 tờ vé số đài Tây Ninh và 15 tờ vé số đài An Giang mở thưởng ngày 13/4/2023 tạm giữ của [Phan Thị T1](#), là tài sản hợp pháp của bà [Ngô Thị N1](#) bị [T1](#) và [G1](#) chiếm đoạt nên ngày 14/4/2023, Cơ quan điều tra đã xử lý bằng hình thức trả lại cho bà [N1](#). Đồng thời, bà [N1](#) không có ý kiến, yêu cầu gì liên quan đến việc tạm giữ, xử lý vật chứng này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- 01 xe mô tô màu đỏ đen hiệu Hayate số máy: F4A5-155661, số khung: RLSCF4EE090146662 tạm giữ của [Phan Ngọc G1](#), qua xác minh không tìm thấy dữ liệu tra cứu, không có thông tin đăng ký xe. Do chưa xác định được chủ sở hữu xe nên cần tiếp tục đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng thời hạn 01 năm tìm chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp của xe, nếu hết thời hạn trên không có người nhận hợp pháp thì tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

- 01 biển số 59N2-336.36 tạm giữ của [Phan Ngọc G1](#), là biển số đăng ký của xe SUZUKI do anh [Trần Ngọc T](#) đứng tên chủ sở hữu, anh [T](#) làm rơi mất biển số và có yêu cầu nhận lại nên Hội đồng xét xử xem xét trả lại biển số xe này cho anh [T](#).

Dữ liệu điện tử: 01 đĩa tròn CD do anh [Chế Nguyên K](#) giao nộp có chứa hình ảnh [Phan Ngọc G1](#) và [Phan Thị T1](#) thực hiện hành vi “Cướp giật tài sản” có giá trị chứng minh tội phạm nên tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án.

[12] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[13] Đối với trẻ [Phan Văn Đ](#) được các bị cáo chở theo, do [Đ](#) còn nhỏ không đủ nhận thức và không có năng lực trách nhiệm hình sự nên không xem xét.

[14] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ quy định tại Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 290 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tuyên xét xử vắng mặt đối với bị cáo [Phan Thị T1](#).

- Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 171 điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo [Phan Ngọc G1](#) 03 (ba) năm 09 (chín) tháng tù, về tội “Cướp giật tài sản. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 13/4/2023.

- Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 171 các điểm n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo [Phan Thị T1](#) 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, về tội “Cướp giật tài sản. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 13/4/2023.

- Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; các điều 221, 228 Bộ luật Dân sự.

Tiếp tục tạm giữ và đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng thời hạn 01 năm tìm chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp của 01 (một) xe mô tô hiệu Hayate số khung: RLSCF4EE090146662, số máy: F4A5-155661, nếu hết thời hạn trên không có người nhận hợp pháp thì tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

Trả cho anh [Trần Ngọc T](#) 01 (một) biển số xe 59N2-336.36.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 06/11/2023).

- Căn cứ vào các điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc mỗi bị cáo [Phan Ngọc G1](#) và [Phan Thị T1](#) nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.